

SÁCH GIÁO KHOA VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN TƯ DUY CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

NHỮ THỊ PHƯƠNG LAN*

TÓM TẮT

Bài viết này trình bày về tầm quan trọng của sách giáo khoa (SGK) trong dạy học Lịch sử (LS) theo định hướng phát triển năng lực người học. Đồng thời, đưa ra một số biện pháp hướng dẫn học sinh (HS) sử dụng SGK nhằm phát triển tư duy cho HS trong học tập LS ở trường trung học phổ thông (THPT).

Từ khóa: giáo dục phổ thông, đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phát triển tư duy.

ABSTRACT

The role of textbooks in developing students' thinking in teaching history in high schools

The article presents the importance of textbooks in teaching history following a learners' competence development approach, as well as suggests some instructional measures for students to use textbooks in order to develop their thinking in learning history in high schools.

Keywords: general education, curriculum innovation, textbook, developing thinking.

1. Đặt vấn đề

Trong một “thế giới phẳng”, thế giới của hàm lượng tri thức khổng lồ thì mục tiêu truyền thụ tri thức có sẵn cho HS là không thể. Mục tiêu chính của giáo dục hiện nay là phát triển năng lực tự học, phát triển tư duy cho người học. Thay vì truyền thụ kiến thức khoa học cho các em thì việc giúp HS có các kỹ năng tư duy, kỹ năng tự học để “xử lý”, chiếm lĩnh tri thức trong và ngoài trường học là vấn đề mà khoa học giáo dục hiện đại đang hướng đến.

Sách giáo khoa là một tài liệu cơ bản không thể thiếu nhằm phục vụ cho việc dạy của GV và việc học của HS. SGK là công cụ giúp GV và HS khai

thác, xử lý thông tin nhằm lĩnh hội những tri thức của khoa học bộ môn. Tuy nhiên, trong dạy học nói chung, dạy học LS nói riêng vẫn đề biên soạn, sử dụng SGK như thế nào “để dạy” và hướng dẫn HS sử dụng SGK như thế nào “để học” nhằm phát triển năng lực người học theo định hướng đổi mới giáo dục hiện nay là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu.

2. Nội dung

2.1. Sự phát triển của sách giáo khoa qua các thời kì lịch sử

Sách giáo khoa có cả một LS phát triển lâu đời với rất nhiều dạng thức khác nhau. Từ thời cổ đại ở Trung Quốc rồi đến nước ta, các tác phẩm do Khổng Tử và các môn đồ san định được gọi là “sách

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: lanphuongnhu@gmail.com

Thánh hiền” làm chuẩn mực đạo đức cho các mối quan hệ xã hội; đồng thời đó cũng chính là những cuốn SGK đầu tiên dùng trong Nho học, chủ yếu là Tứ thư (Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử) và Ngũ kinh (Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu). Loại SGK này được lưu truyền hàng nghìn năm không thay đổi, được các thế hệ sĩ tử “sôi kinh nấu sữ” bằng phương pháp thầy đọc-trò chép để học thuộc lòng các giáo điều Thánh dạy, nhằm đạt mục tiêu thi đậu để làm quan. Cho đến thời Pháp thuộc, Nho học hủ lậu dần dần được thay thế bằng nền giáo dục mới với chương trình học Pháp-Việt, sử dụng các SGK về văn hóa và khoa học hiện đại từ “mẫu quốc” đưa sang, kết hợp với các bộ sách “Quốc văn giáo khoa thư” và “Luân lí giáo khoa thư” do các học giả danh tiếng của nước ta biên soạn bằng chữ quốc ngữ. Mặc dù vẫn còn những bất cập, nhưng chính nền học vấn này đã đưa văn hóa Việt Nam bước sang thời kỳ khai sáng tiếp cận được với trình độ văn minh quốc tế.

Sau Cách mạng tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã xây dựng một nền giáo dục độc lập dùng chữ quốc ngữ, theo chương trình học mang tên Hoàng Xuân Hãn. Khi ấy Bộ Giáo dục không tổ chức biên soạn SGK, mà sử dụng các công trình khảo cứu có giá trị được thẩm định làm SGK trong nhà trường, như các cuốn “Việt Nam sử lược”, “Việt Nam văn phạm” của Trần Trọng Kim, “Việt Nam văn hóa sử cương” của Đào Duy Anh...

Trong thời kỳ đất nước bị chia cắt,

chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam xây dựng một hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm, trong đó Bộ Giáo dục ban bố chương trình học, còn SGK do các nhà giáo độc lập biên soạn và các nhà xuất bản tư nhân phát hành. Trong khi đó ở miền Bắc, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xây dựng hệ thống giáo dục phổ thông 10 năm theo mô thức nền giáo dục Xô-viết, áp dụng nguyên tắc “một chương trình - một bộ SGK duy nhất” của Nhà nước (do Bộ Giáo dục tổ chức biên soạn và phát hành) với quan điểm chỉ đạo “SGK là pháp lệnh”. Nguyên tắc và quan điểm chỉ đạo đó tiếp tục được áp dụng trên toàn quốc, với hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm, sau ngày đất nước thống nhất.

Từ năm 1975 đến nay, trước thực tiễn và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước, nền giáo dục nước nhà đã trải qua nhiều lần cải cách, đổi mới: Cuộc cải cách giáo dục lần thứ 3 (1980) và cuộc đổi mới giáo dục cuối thế kỉ XX (1991), cuộc Đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông đầu thế kỉ XXI (2000). Cùng với những lần đổi mới đó, các bộ SGK cũng lần lượt được biên soạn lại để đáp ứng mục tiêu của cải cách đề ra. Bộ SGK của cuộc cải cách giáo dục lần 3 được sử dụng đến năm 1993. Tiếp theo đó, cuộc đổi mới giáo dục cuối thế kỉ XX đã cho ra đời bộ SGK mới, trong đó ở cấp THPT là bộ sách theo chương trình phân ban (ban A - khoa học tự nhiên, ban B - Khoa học kĩ thuật, ban C - Khoa học xã hội). Trong cuộc đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông đầu thế kỉ XXI, bộ SGK mới được biên soạn lại, trong đó

SGK dành cho bậc THPT được viết và thiết kế cho hai ban: Ban Cơ bản (chương trình chuẩn) và Ban Nâng cao (chương trình chuyên ban) được thí điểm và áp dụng từ năm 2004 đến nay.

2.2. Sách giáo khoa theo định hướng đổi mới chương trình hiện nay

Trước những biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế tri thức và yêu cầu phát triển đất nước trong thời kì hội nhập kinh tế thế giới hiện nay, Đảng và Nhà nước tiếp tục nhấn mạnh đến vai trò của giáo dục đào tạo, khẳng định cần phải tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục đất nước.

Ngay trong cuộc đổi mới giáo dục phổ thông đầu thế kỉ XXI, chương trình giáo dục phổ thông mới được Bộ GD&ĐT xây dựng lại đã bước đầu tiếp cận với khoa học giáo dục thế giới. Khắc phục hạn chế của chương trình cải cách giáo dục (1980) là tiếp cận nội dung, đặt nặng mục tiêu dạy kiến thức, chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) những năm đầu thế kỉ XXI chuyển sang tiếp cận mục tiêu trên cả ba lĩnh vực: kiến thức, kĩ năng và thái độ. Mục tiêu của chương trình GDPT được nêu rõ trong Luật Giáo dục (2005): *“Mục tiêu của GDPT là giúp HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa...”* [6, Điều 2].

Những nguyên tắc và quan điểm đúng đắn của chương trình GDPT mới khi áp dụng vào thực tiễn dạy học đã đạt được những thành công nhất định, nhưng

đồng thời cũng bộc lộ những hạn chế qua hiệu lực của chương trình. Trong chương trình, mục tiêu nhận thức (kiến thức) hoàn toàn lấn át các mục tiêu kĩ năng và thái độ. Nội dung kiến thức tất cả các bộ môn trong chương trình và SGK đều rất nặng nề cả về dung lượng lẫn bề rộng kiến thức dẫn đến tình trạng “quá tải”. Vì vậy, phương pháp dạy học chủ yếu trong trường phổ thông vẫn là phương pháp giảng bài, các phương pháp dạy học tích cực khó có điều kiện để áp dụng, việc thực hành, rèn luyện kĩ năng cho HS không được chú trọng. Việc kiểm tra, đánh giá thành quả học tập của HS cũng chủ yếu tập trung vào kiểm tra kiến thức, mà ít chú trọng kiểm tra kĩ năng người học.

Để khắc phục hạn chế của chương trình GDPT hiện hành đồng thời tiếp cận với trình độ thế giới thì chỉ có một con đường là tiếp tục tiến hành công cuộc đổi mới giáo dục, và xây dựng một chương trình GDPT mới.

Hội nghị Trung ương lần thứ VIII khóa XI (04-11-2013) của Đảng đã thông qua nghị quyết về đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, trong đó khẳng định rõ quan điểm chỉ đạo của Đảng: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách*

ngữ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực.” [5].

Quan điểm chỉ đạo này được Bộ GD&ĐT triển khai vào thực tiễn thông qua đề án xây dựng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (GDPTTT) và biên soạn SGK mới theo định hướng phát triển toàn diện năng lực người học nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông. Chương trình GDPTTT dự thảo (2015) đã xác định đường lối của nền giáo dục phổ thông mới là: *“Giáo dục toàn diện và hài hòa đức, trí, thể, mỹ, mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông xác định những yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của HS ở từng cấp học; mục tiêu chương trình môn học xác định những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, hướng đến hình thành những phẩm chất, năng lực đặc thù môn học và các phẩm chất, năng lực khác ở từng lớp, từng cấp học” [3, tr.7].* Như vậy, đường lối trên cho thấy sự thay đổi khá lớn của CTGDPTTT, chương trình không chỉ tiếp cận mục tiêu mà còn hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực người học.

Định hướng xây dựng CTGDPTTT đã mở ra một đường hướng mới cho việc biên soạn SGK hiện nay. Trên cơ sở một chương trình GDPTTT quốc gia thống nhất, nhiều bộ SGK sẽ được biên soạn. Vấn đề lựa chọn SGK để tổ chức dạy học theo mục tiêu mà chương trình GDPTTT đưa ra hoàn toàn do giáo viên quyết định.

Do vậy, vai trò của giáo viên trong

công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay là hết sức quan trọng. Thầy giáo cần phải quán triệt mục tiêu đổi mới giáo dục để vận dụng sáng tạo vào quá trình dạy học, đồng thời không ngừng đổi mới phương pháp dạy học để chất lượng dạy học bộ môn đạt được hiệu quả cao nhất.

2.3. Sử dụng sách giáo khoa nhằm phát triển tư duy cho HS trong dạy học Lịch sử ở trường THPT

Quá trình dạy học ở trường phổ thông chính là quá trình nhận thức của HS dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên (GV) nhằm đạt được các mục tiêu nhận thức, phát triển trí tuệ, kỹ năng và thái độ tình cảm do chương trình quy định. Dạy học LS cũng như các bộ môn khác đều góp phần hoàn thành các nhiệm vụ và mục tiêu nói trên. Trong sự phát triển nhận thức nói chung và phát triển tư duy cho HS nói riêng trong dạy học, môn LS với đặc trưng của mình cũng góp phần vào việc phát triển tư duy cho HS trong học tập bộ môn, đó là tư duy LS.

Để góp phần phát triển tư duy cho HS thông qua việc hướng dẫn các em sử dụng SGK LS, chúng tôi đề xuất một số biện pháp sau đây:

➤ Hướng dẫn HS biết lĩnh hội kiến thức cơ bản từ bài giảng của thầy và nội dung trong SGK

Theo quan điểm của lý luận dạy học hiện đại, người thầy đổi mới sẽ không dạy hết SGK mà chỉ tập trung vào kiến thức cơ bản, làm sâu hơn và làm sáng hơn ý trong SGK. Dưới sự tổ chức hướng dẫn của thầy, HS phải biết phát hiện chỗ “mâu thuẫn” ở bài giảng của thầy và SGK để thắc mắc nhằm lĩnh hội kiến

thức. Chính trong quá trình nhận thức này mà năng lực tư duy của HS có điều kiện rèn luyện và phát triển.

Ví như khi học bài Chiến tranh Thế giới thứ hai (LS 11 – Chương trình chuẩn), ở mục I. Con đường dẫn đến chiến tranh gồm hai nội dung chính: Các nước phát xít đẩy mạnh xâm lược (1931-1937) và Từ Hội nghị Mui-ních đến chiến tranh thế giới. Hai nội dung này cung cấp một loạt các sự kiện như sự hình thành phe Trục phát xít, hành động bành trướng xâm lược của các nước phát xít trước chiến tranh, hội nghị Mui-ních (1938), Hiệp ước Xô-Đức không xâm phạm lẫn nhau (1939)... Từ những nội dung trên, GV hướng dẫn HS rút ra được kiến thức cơ bản của mục đó là nguyên nhân cơ bản dẫn tới cuộc chiến tranh thế giới thứ hai: sự ra đời của chủ nghĩa phát xít Đức – I-ta-ly – Nhật do cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933); và chính sách nhượng bộ, thỏa hiệp của các nước Anh, Pháp, Mĩ đã tạo điều kiện cho chủ nghĩa phát xít phát động chiến tranh.

➤ **Hướng dẫn HS biết khai thác kênh chữ và kênh hình trong SGK để tìm ra phần “sử” và “luận”**

Kiến thức LS trong dạy học LS ở trường phổ thông được chia làm 2 bộ phận: “sử” và “luận”. Phần “sử” giúp HS trả lời câu hỏi “LS diễn ra như thế nào?”, tức là giúp các em “biết” sự kiện LS đã xảy ra gắn liền với một mốc thời gian, không gian, nhân vật và kết quả cụ thể. Phần “luận” đòi hỏi HS trên cơ sở phần “sử” đã biết phải suy luận, tư duy để đánh giá, giải thích được tại sao LS lại diễn ra như thế.

Do vậy, trong dạy học LS, GV phải chú ý đến tính thống nhất giữa phần “sử” và phần “luận” để phát triển năng lực nhận thức LS cho HS.

Ví dụ: Khi học bài “Tình hình các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới”, ở mục 1 “Thiết lập trật tự thế giới mới theo hệ thống Vécxai – Oasinhton”.

Phần “sử”: Qua kênh chữ trong SGK, HS biết được rằng sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất với hệ thống Vécxai – Oasinhton một trật tự thế giới mới đã được thiết lập, trong đó các nước tư bản thắng trận được lợi nhiều về kinh tế, chính trị, lãnh thổ..., còn các nước bại trận bị thiệt thòi do phải thi hành các văn kiện của hệ thống Vécxai – Oasinhton.

Phần “luận”: Qua phần mở rộng của GV về nội dung hệ thống Hiệp ước Vécxai – Oasinhton, cùng với việc hướng dẫn HS quan sát Lược đồ hình 29 (LS 11-chương trình chuẩn) “Sự thay đổi bản đồ chính trị châu Âu theo hệ thống Vécxai – Oasinhton”, HS biết rút ra nhận xét về sự thay đổi quốc gia và lãnh thổ các nước châu Âu năm 1923 so với năm 1914. Cụ thể về quốc gia: có những quốc gia cũ mất đi (Áo-Hung), có những quốc gia mới xuất hiện (Áo, Hung, Tiệp Khắc...). Về lãnh thổ của mỗi quốc gia: có nước được rộng ra, có nước bị co hẹp lại.

Trên cơ sở đó, HS thấy rằng trật tự thế giới mới mà các nước tư bản thiết lập qua hệ thống Vécxai – Oasinhton là “không công bằng” vì được hưởng lợi là thuộc về kẻ mạnh, người thắng, chịu thiệt là kẻ yếu, người thua. Do đó, những mâu thuẫn của các nước đế quốc không mất đi mà vẫn tồn tại, để rồi sau đó khi có điều

kiện nó lại bùng phát thành cuộc chiến tranh thế giới mới.

➤ **Hướng dẫn HS kết hợp khai thác thông tin trong SGK với tài liệu tham khảo ngoài SGK**

SGK môn học là tài liệu cơ bản nhất, là phương tiện giúp HS học tập trên lớp cũng như tự học ở nhà đồng thời là căn cứ để GV thiết kế bài học và tổ chức cho HS học tập. Tuy nhiên, các nhà giáo dục và giáo dục LS đã chỉ ra rằng nếu GV chỉ dạy theo SGK hoặc biến bài dạy thành bảng tóm tắt lại SGK sẽ dẫn đến sự nhàm chán, thiếu hứng thú học tập nơi HS, chất lượng và hiệu quả bài học không thể đạt hiệu quả. Vì vậy, để khắc sâu và làm nổi bật kiến thức cơ bản của SGK người thầy cần phải sử dụng cũng như cung cấp thêm cho HS nguồn tài liệu phong phú ngoài SGK. Việc hướng dẫn HS sử dụng SGK kết hợp với nguồn tài liệu tham khảo còn giúp rèn luyện cho các em thói quen nghiên cứu, xử lý tư liệu, qua đó phát triển tư duy của HS trong học tập LS.

Khi giảng nội dung “Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố” (Bài 16, LS 12 – Chương trình chuẩn), để giúp HS nhận thức rõ “Vấn đề thời cơ trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám 1945”, ngoài nội dung tài liệu trong SGK, GV cung cấp thêm cho HS các tài liệu tham khảo như: “*Lệnh tổng khởi nghĩa*”, “*Hiệu triệu của tổng bộ Việt Minh*”, “*Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa*” (Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7 (1940-1945), Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội). Qua đó, GV đặt vấn đề “Tại sao nói rằng tình hình thế giới giữa tháng 8 năm

1945 là thời cơ có một không hai để nhân dân Việt Nam tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền?”.

Trên cơ sở nội dung SGK và tài liệu tham khảo cung cấp cho HS, GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu để giải quyết vấn đề:

- Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, kẻ thù cũ đã thất bại, tinh thần của quân đang hoang mang, rệu rã.
- Quân Đồng minh Anh, Tưởng Giới Thạch chưa vào Đông Dương để tước khí giới quân Nhật; thực dân Pháp chưa kịp tập hợp lực lượng điều quân vào xâm lược nước ta lần nữa. Như vậy, kẻ thù cũ đã tan rã, kẻ thù mới chưa tới.

Qua theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình thế giới và trong nước mà Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc được “thời cơ ngàn năm có một” đã đến “dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành độc lập”. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng qua việc kịp thời “chớp thời cơ” khởi nghĩa là nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

➤ **Hướng dẫn HS tìm ra kiến thức liên môn giữa LS và các môn học khác**

Tích hợp và liên môn là một trong những nguyên tắc của dạy học LS ở trường phổ thông. Dạy học tích hợp, liên môn là sự vận dụng những nội dung và phương pháp giữa các lĩnh vực, các môn học có liên quan nhằm tìm ra những nội dung giao thoa giữa các môn học với bộ môn LS, giúp HS thấy được mối liên hệ hữu cơ giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội, hiểu được tính toàn diện của LS,

khắc phục được tính rời rạc, tản mạn trong kiến thức của HS.

Ví dụ: Khi học về sự kiện ngày 02-9 trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Bài 16 LS 12 – Ban Cơ bản), Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. GV cần hướng dẫn HS trình bày lại nội dung bản Tuyên ngôn đã được học trong SGK Ngữ văn, đồng thời đặt ra các vấn đề để HS tìm hiểu: *1. Em hãy cho biết có những sự kiện LS nào đã được Hồ Chí Minh nhắc đến trong bản Tuyên ngôn độc lập? 2. Trình bày suy nghĩ của em về khẳng định của Hồ Chí Minh: “Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập”.*

GV hướng dẫn HS giải quyết vấn đề:

○ Những sự kiện LS được Hồ Chí Minh nhắc đến trong bản Tuyên ngôn độc lập: năm 1858 thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta; tháng 9/1940 Nhật xâm lược Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng, mở cửa nước ta cho Nhật; Nạn đói ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ cuối năm 1944, đầu năm 1945; ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp; ngày 14-8-1945 Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh; sự kiện Bảo Đại thoái vị ngày 25-8-1945.

Câu hỏi này giúp rèn luyện cho HS kỹ năng khai thác tư liệu và tự tìm kiếm những dữ liệu LS đã được nêu trong Bản Tuyên ngôn độc lập. Bước đầu rèn luyện cho HS tính tích cực, độc lập trong học tập – cơ sở quan trọng của quá trình tự duy của người học.

○ Qua văn kiện “Tuyên ngôn độc lập”, GV hướng dẫn HS hiểu được khẳng định của Hồ Chủ tịch về quyền tự

do, độc lập của nước Việt Nam:

- Thứ nhất, trên cơ sở khẳng định tính pháp lý về quyền con người, quyền dân tộc của nhân loại nói chung thì dân tộc Việt Nam xứng đáng có quyền được hưởng tự do và độc lập.

- Thứ hai, lập luận rằng quân Pháp không đủ tư cách để quay lại Việt Nam vì đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

- Thứ ba, khẳng định quyết tâm của toàn thể nhân dân Việt Nam quyết mang tính mạng, tài sản để bảo vệ quyền độc lập ấy.

Như vậy, trên cơ sở những kiến thức văn học về nội dung, giá trị của tác phẩm “Tuyên ngôn độc lập” đã được học, HS biết vận dụng vào bài để trả lời các câu hỏi mà GV đưa ra, tìm ra mối liên hệ giữa kiến thức văn học và sử học, biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, qua đó tự duy của HS được rèn luyện.

3. Kết luận

SGK là sự cụ thể hóa của chương trình học và là một tài liệu cần thiết của GV và HS trong quá trình dạy học ở trường phổ thông. GV phải thấu hiểu chương trình học, quán triệt mục tiêu chương trình vào việc xác định các nội dung cơ bản của SGK để thiết kế giáo án bài học nhằm đáp ứng mục tiêu dạy học. Dựa vào chương trình học và nội dung SGK, GV sẽ lựa chọn ra kiến thức cơ bản của bài cần khắc sâu cho HS, đồng thời xác định đúng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp nhất.

Để giúp HS sử dụng SGK có hiệu quả, nhằm phát triển kỹ năng tự học, phát triển tư duy của các em trong học tập, đòi hỏi vai trò rất lớn của người thầy trong

dạy học. GV cần hướng dẫn HS không chỉ biết phát hiện ra kiến thức cơ bản trong SGK mà còn biết sử dụng SGK kết hợp với các tài liệu tham khảo khác để tìm tòi, nghiên cứu đi sâu vào bản chất của các sự kiện, hiện tượng LS và giải thích, đánh giá được chúng. Chính trong quá trình này, tính tích cực, tư duy độc lập của HS được rèn luyện và phát triển. Đây cũng chính là nội dung, nhiệm vụ mà công cuộc đổi mới dạy học hiện nay hướng đến.

Thực tiễn dạy học hiện nay cho thấy chương trình và SGK LS THPT nói riêng và chương trình SGK THPT nói

chung còn nhiều bất cập cần phải tiếp tục nghiên cứu và đổi mới. Vấn đề thiết kế lại chương trình học bộ môn cho phù hợp, tiếp cận với nền khoa học giáo dục thế giới theo hướng “một chương trình, nhiều bộ SGK”, viết lại SGK theo hướng tích hợp, tinh giản, chú trọng đến mục tiêu phát triển năng lực HS hiện đang được Bộ GD&ĐT triển khai thực hiện. Trong khi chờ đợi chương trình và SGK mới được đưa vào giảng dạy, GV phổ thông phải không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm góp thêm kinh nghiệm thực tiễn cho công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Sách giáo khoa Lịch sử 11, 12 (CT chuẩn)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Sách giáo khoa Ngữ văn 12, tập 1 (CT chuẩn)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (trong chương trình giáo dục phổ thông mới)* [dự thảo], tháng 8-2015.
4. Nguyễn Thị Côi (2009), *Con đường và biện pháp nâng cao hiệu quả bài học lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết Hội nghị TW VIII, khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”*, http://123.30.190.43/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=9&leader_topic=&id=BT7111340696
6. Phan Ngọc Liên (Cb) (2002), Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng, *Phương pháp dạy học lịch sử* (Tập 1), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
7. Quốc hội (2005), *Luật Giáo dục*, http://www.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=18148.
8. Lê Vinh Quốc (2011), *Đổi mới dạy học theo khoa học giáo dục hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm TPHCM.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-11-2015; ngày phản biện đánh giá: 29-3-2016; ngày chấp nhận đăng: 20-4-2016)